

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 01 năm 2026
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Chuyên – Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975; căn cước số 025175004920, do Bộ C1 cấp ngày 08/7/2024; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường V, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1970; căn cước công dân số 025070003881, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C1 cấp ngày 15/9/2022; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường V, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cũ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 12 tháng 10 năm 1992 (đăng ký kết hôn lại ngày 05/7/2023) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng không khắc phục được. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng đã hết bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc N.

Về nuôi con: Bà và ông Nguyễn Ngọc N có hai con chung là anh Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1993 và chị Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2005. Các con hiện đã thành niên, phát triển khỏe mạnh bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà L không không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc N có nơi thường trú tại tổ dân phố L, phường V, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

Nguyên đơn bà Phạm Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và G xác nhận nhân thân vợ, chồng số 22/GXN-UBND ngày 29/12/2023 và Trích lục kết hôn số 20/TLKS-BS ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cũ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) thể hiện việc kết hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Ngọc N là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà L sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Bà L xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề Toà án giải quyết cho bà và ông N được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng ông N vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của bà L, thể hiện ông N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L, ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con: Bà L, ông N có hai con chung là anh Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1993 và chị Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2005. Các con hiện đã thành niên, phát triển khỏe mạnh bình thường, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Ngọc N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn ông Nguyễn Ngọc N.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001095, ký hiệu: BLTU/25E, ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (bà L đã nộp đủ tiền án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Tây Cốc, tỉnh Phú Thọ, (GCNKH số 20 ngày 05/7/2019 của UBND xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ cũ);
- Đường sự (02);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến